TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 6 - 2019

V/v xin ly hôn có yếu tố nước ngoài

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Ông Danh Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc xin ly hôn có yếu tố nước ngoài.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Đ, sinh ngày: 08/6/1977. Địa chỉ: Ấp RH, xã HN, huyện PQu, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Văn M - Công tác viên Trung tâm tư vấn pháp luật PQ (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh NGUYEN, L T, sinh ngày: 05/6/1964. Địa chỉ: 8808 P A O Sp, MS 39564 USA (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2018, bản tự khai ngày 04/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Chị và anh NGUYEN, L T quen biết nhau là do mai mối của một người bạn, anh chị tự tìm hiểu nhau và sau đó quyết định tiến đến hôn nhân. Anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/02/2014, vào sổ đăng ký kết hôn số 45, quyển số 02/2013 ngày 19/2/2014.

Sau khi kết hôn, chị và anh NGUYEN, L T chung sống tại nhà mẹ của anh NGUYEN, L T tại thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang được khoảng hai tháng, thì anh NGUYEN, L T trở về HK. Một năm anh NGUYEN, L T trở về Việt Nam một lần và ở khoảng hai đến ba tháng, thì tiếp tục trở về HK.

Trong quá trình chung sống chị và anh NGUYEN, L T có một người con chung tên Nguyễn Như Z, sinh ngày 15/10/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên do là mỗi năm anh NGUYEN, L T về Việt Nam một lần, nhưng không giành nhiều thời gian với vợ con, mà chỉ tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, chơi bời. Chị đã nhiều lần khuyên nhũ chồng giữ gìn hạnh phúc, nhưng chồng chị vẫn vô trách nhiệm. Do đó, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và không có tiếng nói chung, nếu kéo dài sẽ làm đau khổ cho cả hai.

Nên chị làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết những việc sau:

- Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh NGUYEN, L T.

- Về con chung: Chị xin được nuôi con tên Nguyễn Như Z, sinh ngày 15/10/2009. Chị không yêu cầu cấp dưỡng, nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn anh NGUYEN, L T: Sau khi thụ lý vụ án, ngày 17/9/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của nước HK để giao Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời lấy lời khai của anh NGUYEN, L T theo địa chỉ do chị Đẹp cung cấp tại 8808 P A O Sp, MS 39564 USA về việc chị Trần Thị Đ xin ly hôn với anh NGUYEN, L T theo quy định của pháp luật, nhưng Tòa án nhận được Công văn số 3260/BTP-PLQT ngày 10/10/2018 của Bộ Tư pháp về việc trả lại hồ sơ ủy thác tư pháp.

Nên vào ngày 25/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tiếp tục ủy thác tư pháp đối với anh NGUYEN, L T. Đến ngày 24/01/2019, Vụ pháp luật quốc tế - Bộ Tư pháp có Công văn số 224/BTP-PLQT và các văn bản kèm theo gửi đến Tòa án thể hiện nội dung: Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc HK đã thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Tòa án vào ngày 26/12/2018 bằng phương thức tống đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự.

Tuy nhiên, trong văn bản cần tống đạt cho bị đơn anh NGUYEN, L T là Thông báo thụ lý vụ án số 96/TB-TLVA ngày 30/8/2018, Tòa án đã ấn định thời gian mở phiên họp hòa giải vào lúc 14 giờ ngày 28/02/2019; thời gian mở lại phiên họp hòa giải vào lúc 14 giờ ngày 15/3/2019; Thời gian mở phiên tòa giải quyết vụ án vào lúc 08 giờ, ngày 30/5/2019; Thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 14/6/2019. Địa điểm: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Nhưng phía bị đơn bị đơn anh NGUYEN, L T không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và vẫn vắng mặt tại các lần hòa giải, cũng như phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Do chị Đ và anh NGUYEN, L T phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh NGUYEN, L T mỗi năm về

Việt Nam một lần được khoảng hai, ba tháng, nhưng không giành nhiều thời gian cho vợ con mà chỉ lo tụ tập bạn bè ăn nhậu. Nên tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

Về con chung : Chị Đẹp xin được nuôi người con chung tên Nguyễn Như Z, sinh ngày 15/10/2009, chị Đ không yêu cầu anh NGUYEN, L T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Về thẩm quyền xét xử, do vụ án có đương sự là anh NGUYEN, L T là người nước ngoài, nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn anh NGUYEN, L T, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ hợp lệ việc ủy thác tư pháp về tống đạt văn bản tố tụng cho anh NGUYEN, L T, nhưng anh NGUYEN, L T không có văn bản trình bày ý kiến, cũng như vắng mặt tại các lần hòa giải và phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh NGUYEN, L T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đẹp: Do chị Đ và anh NGUYEN, L T có nhiều mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc vợ con, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đẹp.

Về con chung: Cháu Nguyễn Như Z, sinh ngày 15/10/2009, đến nay cháu đã gần 10 tuổi và có nguyện vọng sóng cùng với chị Đ, nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Đ nuôi dưỡng cháu Z, chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh NGUYEN, L T đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của nước Hoa Kỳ thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại tại Điều 11 và 13 Luật tương trợ tư pháp và Công ước La Hay năm 1965 về tống đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại được thông qua ngày 15/11/1965 và có hiệu lực kể từ ngày 10/02/1969. Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận được Công văn số 224/BTP-PLQT ngày 24/01/2019 và các văn kèm của Vụ hợp tác quốc tế - Bộ Tư pháp thể hiện đã thực hiện ủy thác thành công cho anh NGUYEN, L T theo đề nghị của Tòa án, nhưng anh NGUYEN, L T không có bản tự khai, cũng như vắng mặt tại các phiên họp hòa giải và tại phiên tòa.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp,

Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh NGUYEN, L T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh NGUYEN, L T quen biết nhau là do mai mối của một người bạn, hai bên tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/02/2014, vào sổ đăng ký kết hôn số 45, quyển số 02/2013 ngày 19/2/2014 là phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của chị Đ với anh NGUYEN, L T, thì anh chị sống xa nhau và mỗi năm chỉ gặp nhau một lần được khoảng hai ba tháng, thì anh NGUYEN, L T trờ về Hoa Kỳ. Anh chị không tìm được tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn và tình cảm không còn, nên anh chị không thể xây dựng được gia đình hạnh phúc.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của chị Đ và anh NGUYEN, L T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đẹp và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, cho chị Đẹp được ly hôn với anh NGUYEN, L T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Đ và anh NGUYEN, L T có một người con chung tên Nguyễn Như Z, sinh ngày 15/10/2009. Chị Đ yêu cầu được nuôi cháu Như Z và cháu Như Z cũng có văn bản trình bày nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn, thì cháu xin ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu Nguyễn Như Z, sinh ngày 15/10/2009 cho chị Đẹp tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không có yêu cầu và anh NGUYEN, L T không có ý kiến, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6] Chi phí tố tụng khác: Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0036568 ngày 05/9/2018 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Kiên Giang; 95 USD chuyển vào tài khoản của Công ty ABC legal Services và các khoản phí đóng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh PQ. Chị Trần Thị Đ phải nộp và đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

- *Phần tuyên xử*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh NGUYEN, L T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Như Z, sinh ngày 15/10/2009 cho chị Trần Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh NGUYEN, L T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Trần Thị Đ không có yêu cầu.

Anh NGUYEN, L T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Đ không có yêu cầu và anh NGUYEN, L T không có ý kiến, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0007041 ngày 21/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (Do ông Võ Văn M nộp thay). Chị Đ không phải nộp thêm.

5. Chi phí tố tụng khác: Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0036568 ngày 05/9/2018 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Kiên Giang (Do ông Võ Văn M nộp thay); 95 USD chuyển vào tài khoản của Công ty ABC legal Services và các khoản phí đóng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh PQ. Chị Trần Thị Đ phải nộp và đã thực hiện xong.

6. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (14/6/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xét xử lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

Riêng anh NGUYEN, L T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Đình Thi